

Số: 1779155

|                                            | Kia Carnival 2.2D Signature<br>(Không cửa sổ trời - 7 chỗ) | Kia New Carnival 2.2D Luxury 8S |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.359.000.000đ</b>                                      | <b>1.299.000.000đ</b>           |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                            |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 1995 x 1775                                         | 5155 x 2010 x 1775              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                                                       | 3090                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                                                       | 5800                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                                                        | 172                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2150                                                       | 2070                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2780                                                       | 2790                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1140 - 2460                                                | 1139 - 4110                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                                         | 72                              |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                          | 8                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                           | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                            |                                 |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                           | Smartstream D2.2                |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                                       | 2151                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                                                 | 199 / 3800                      |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                                            | 440 / 1750-2750                 |
| Hộp số                                     | 8AT                                                        | 8AT                             |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                            | Cầu trước (FWD)                 |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                                 | Mc Pherson                      |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                           | Liên kết đa điểm                |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                        | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                        | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                                 | 235/55 R19                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.39                                                       | 7.8                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.9                                                        | 5.7                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.83                                                       | 6.5                             |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart                                     | Normal/Eco/Sport/Smart          |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                            |                                 |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                              | LED                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                          | ●                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                | ●                                                          |                                 |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                          | ●                               |
| Đèn sương mù                               | LED                                                        |                                 |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                        | Halogen                         |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                          | ●                               |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                          | ●                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                            |                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                          | ●                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                         | Da                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                          | ●                               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                          |                                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                          |                                 |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                                          |                                 |

|                                    |                  |             |
|------------------------------------|------------------|-------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi   | ●                |             |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●           |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3             | 4.2         |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 12.3             | 12.3        |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | Không dây   |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 3                | 3           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                | Hàng 2 và 3 |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●           |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●           |
| Khởi động từ xa                    | ●                | ●           |
| Hệ thống âm thanh                  | 12 loa Bose      | 6 loa       |
| Lấy chuyển số                      | ●                |             |
| Sạc không dây Qi                   | ●                |             |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | ●           |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | ●           |
| Rèm che nắng                       | ● ( hàng 2 và 3) |             |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●           |

#### **AN TOÀN:**

|                                          |               |             |
|------------------------------------------|---------------|-------------|
| Số túi khí                               | 7             | 8           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●             | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●             | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●             | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●             | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●             | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●             | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau   | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●             |             |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●             |             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●             |             |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●             |             |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●             | ●           |
| Camera lùi                               | ●(Camera 360) | ●           |